

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH N**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ - ST

Ngày 17/09/2021

(V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH N

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thiện Thành

Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Duy Quyết và ông Đinh Công Hiến

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Hồng Mơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Lan – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 09 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2021/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Bùi Đình T**, sinh năm 1991; địa chỉ thôn T, xã G, huyện V, tỉnh N; Vắng mặt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị **Phạm Thúy G**, sinh năm 1999; địa chỉ thôn T, xã G, huyện V, tỉnh N; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 27 tháng 01 năm 2021, và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Bùi Đình T trình bày: Giữa anh Bùi Đình T và bị đơn là chị Phạm Thúy G, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 10 năm 2018, tại Ủy ban nhân dân xã Gia L, huyện V, tỉnh N. Sau khi kết hôn hai người chung sống cùng nhau tại thôn T, xã G, huyện V, tỉnh N. Anh Bùi Đình T và chị Phạm Thúy G chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu do tính tình không hợp, kinh tế gia đình khó khăn, nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi, đánh nhau, không quan hệ với nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia

đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho tới nay. Anh T thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh T đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thúy G.

Về con chung anh Bùi Đình T trình bày: Vợ chồng anh có một con chung cháu là Bùi Phạm Tuấn K, sinh ngày 17/5/2019. Nếu được Tòa án chấp nhận cho ly hôn, anh T đề nghị Tòa án giao con chung cho chị G là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau ly hôn, anh có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị G mỗi tháng là 1.500.000 đồng.

Về quan hệ tài sản và công nợ chung: Anh Bùi Đình T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là chị Phạm Thúy G trình bày: Chị thừa nhận việc kết hôn giữa hai người đúng như anh T đã trình bày, về tình trạng hôn nhân chị G xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân không ai còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau nữa. Nay anh T có đơn xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Chị Phạm Thúy G thừa nhận về số con chung như anh T đã trình bày. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn, chị G đề nghị Tòa án giao con chung là Bùi Phạm Tuấn K, sinh ngày 17/5/2019 cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị hàng tháng với số tiền là 1.500.000 đồng/tháng.

Về quan hệ tài sản và công nợ chung: Chị Phạm Thúy G không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 107, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Cho anh Bùi Đình T được ly hôn chị Phạm Thúy G;

Về con chung: Giao cháu Bùi Phạm Tuấn K, sinh ngày 17/5/2019 cho chị Phạm Thúy G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh Bùi Đình T có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Phạm Thúy G 1.500.000 đồng/1 tháng. Kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, cho đến khi cháu Bùi Phạm Tuấn K đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Bùi Đình T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Bùi Đình T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N giải quyết cho anh được ly hôn chị Phạm Thúy G; chị Phạm Thúy G có nơi cư trú tại xã G, huyện V, tỉnh N, đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn anh Bùi Đình T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Phạm Thúy G đã được Toà án nhân dân huyện V triệu tập hợp lệ đến phiên Toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Đình T và chị Phạm Thúy G trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia L, huyện V, tỉnh N vào ngày 01 tháng 10 năm 2018. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ, sau khi kết hôn hai người chung sống hoà thuận hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, kinh tế gia đình khó khăn, dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau, đánh nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình nội, ngoại khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vẫn không được hàn gắn. Theo thời gian, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, nặng nề, thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2020 đến nay, cũng từ đó hai người không quan tâm đến nhau, quan hệ vợ chồng chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Anh T xin ly hôn chị G cũng đồng ý. Điều này phù hợp với đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 02/7/2021 do anh T giao nộp cho Tòa án, có xác nhận của chi hội phụ nữ, trưởng thôn T và UBND xã G. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị G đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Đình T.

[3] Về quan hệ con chung: Anh Bùi Đình T và chị Phạm Thúy G có một con chung cháu Bùi Phạm Tuấn K, sinh ngày 17/5/2019. Việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là quyền, đồng thời cũng là nghĩa vụ của cha mẹ. Tuy

nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy, anh T và chị G có một con chung chưa đủ ba tuổi, anh Bùi Đình T đề nghị Tòa án giao cháu Bùi Phạm Tuấn K cho chị Phạm Thúy G là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau ly hôn, anh có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu K cho chị G mỗi tháng là 1.500.000 đồng, chị G cũng nhất trí. Quan điểm của anh T và chị G đưa ra là tự nguyện, không trái pháp luật. Vì vậy, cần giao con chung Bùi Phạm Tuấn K cho chị Phạm Thúy G là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn; anh Bùi Đình T phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Phạm Thúy G 1.500.000 đồng/1 tháng. Kể từ ngày 17/9/2021 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Anh Bùi Đình T và chị Phạm Thúy G không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung, công nợ chung. Vì vậy, vấn đề tài sản chung và công nợ chung, Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Anh Bùi Đình T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 107, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: 1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Bùi Đình T và chị Phạm Thúy G được ly hôn;

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thúy G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Bùi Phạm Tuấn K, sinh ngày 17/5/2019. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 17/9/2021 cho tới khi cháu Bùi Phạm Tuấn K đủ 18 tuổi.

Anh Bùi Đình T phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Phạm Thúy G 1.500.000 đồng/1 tháng. Kể từ ngày 17/9/2021 cho đến khi cháu Bùi Phạm Tuấn K đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ trậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Anh Bùi Đình T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Được khấu trừ 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số AA/2019/0000198 ngày 04/2/2021.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã Gia L;
- Lưu Hồ sơ, văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thiện Thành